TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 10 - 2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Lương Văn Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A. Địa chỉ: Hoa Kỳ. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà B. Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2018 và đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 06/9/2018, nguyên đơn ông A trình bày**: Vào năm 2017 qua giới thiệu của người em, ông quen biết với bà B. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 27/3/2017 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, hai người sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, vợ chồng xa nhau nhưng cũng thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Ông có làm thủ tục bảo lãnh bà B sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà B còn mẹ già nên không đồng ý sang Hoa Kỳ cùng ông, từ đó khiến tình cảm vợ chồng cũng không còn hạnh phúc như lúc quen nhau. Ông sinh sống ở Hoa Kỳ, còn bà B sống tại Việt Nam, vợ chồng xa cách khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Do xa nhau nên vợ chồng không có sự hòa hợp, không còn quan tâm nhau, cũng như thực hiện

nghĩa vụ vợ chồng cho đến nay. Ông nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc giữa hai người không đạt được, nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân này chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, làm khổ cho cả hai và hiện nay hai người đã không còn tình cảm. Do đó, lần về Việt Nam này hai người đã gặp nhau trao đổi và cùng thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau để mỗi người có cuộc sống riêng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo tờ trình bày ý kiến và đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt cùng đề ngày 18/9/2018, bị đơn bà B trình bày**: Vào năm 2017 bà và ông A kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông A là người Hoa Kỳ nên vợ chồng bà thực tế không chung sống cùng nhau, ông A có làm thủ tục bão lãnh bà sang Hoa Kỳ nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà không thể theo ông A được, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý. Giữa bà và ông A không có tài sản chung, nợ chung và con chung, bà đồng ý ly hôn theo đơn xin lý hôn của ông A và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

* Do hiện nay ông A đang làm việc tại Hòa Kỳ không có thời gian về Việt Nam dự phiên tòa và do hoàn cảnh bà B không có thời gian tham dự phiên tòa, nên ông A và bà B đều yêu cầu Tòa án cho ông bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này và cam kết không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn A yêu cầu được ly hôn với bị đơn B; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn A và bị đơn B đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn A và bị đơn B.

[3] Ngày 06/9/2018 và ngày 18/9/2018 nguyên đơn A và bị đơn B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Ông A và bà B tiến đến hôn nhân và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện và đủ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/3/2017 là đảm bảo theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo các bên thừa nhận, sau khi kết hôn ông A trở về Hoa Kỳ sinh sống và có làm thủ tục bảo lãnh bà B sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà B không đồng ý sang Hoa Kỳ cùng ông, nên vợ chồng sống xa cách khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự hòa hợp, không còn quan tâm nhau, cũng như thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, từ đó khiến tình cảm vợ chồng cũng không còn hạnh phúc như lúc kết hôn. Mặt khác, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp và hai người không còn chung sống vợ chồng từ khi ông A trở về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng ông A và bà B không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo ông A yêu cầu ly hôn với bà B và được bà B cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông A xin được ly hôn với bà B là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho ông A được ly hôn với bà B.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Ông A và bà B đều trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2/. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004448 ngày 12/9/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3/. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện Z;
- Lưu HSVA-TDS.

Phạm Hùng Nuôi